

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 11/2020/ĐS-ST

Ngày 10 tháng 06 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Yên
2. Ông Nguyễn Văn Đàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST- DS ngày 20/4/2020 về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXX-ST ngày 15/05/2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V ; Sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: Phố Đ , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Cao Thị Đ ; Sinh năm 1980 cùng chồng anh Hà Hồng T ; Sinh năm 1977(có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ G , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Cao Thị Đ là: Ông Trịnh Văn Thịnh- trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Lê Thị V trình bày: Chị V có cho chị Đ vay và chốt nợ tổng số tiền là 240.000.000đ, làm giấy với nhau ngày 23/9/2014(tức ngày 30/8/2014) thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 08/4/2015 (tức là 20/02/2015 âm lịch). Hai bên có làm Hợp đồng Cầm đồ chị V giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Đ . Theo chị V thì nội dung lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thỏa thuận miệng nên chị V đã tự viết vào giấy “tính hện khi trả gốc.

Đến ngày 08 tháng 4 năm 2015 chị Đ không trả gốc và không trả đồng lãi nào nên chị Đ đã viết giấy hện đến từ 10/11/2016 dương lịch .

Thực tế chị Đ và anh T không trả theo thỏa thuận mà cụ thể như sau:

Lần 1 Ngày 08/12/2016 anh Thiện trả 10.000.000đ

Lần 2 Ngày 07/01/2017(10/12/2017 âm) anh Thiện trả 10.000.000đ

Lần 3 Ngày 01/7/2017(tức 08/6/2017âm) anh Thiện trả 5.000.000đ

Lần 4 Ngày 10/11/2017 tức 22/9/2017 âm lịch anh Thiện trả 10.000.000đ

Lần 5 ngày 13/2/2018 (tức ngày 28/12/2017 âm) anh Thiện 10.000.000đ

Lần 6 ngày 26/9/2018 (tức 17/8/2018 âm) chị Điền trả 10.000.000đ

Lần 7 ngày 03/02/2019 (tức 29/12/2018 âm) chị Điền trả 5.000.000đ

Lần 8 ngày 18/3/2019 (tức 13/02/2019 âm) anh Thiện trả 5.000.000đ

Lần 9 ngày 14/8/2019 (tức 14/7/2019 âm) chị Điền trả 10.000.000đ

Lần 10 ngày 18/01/2020 (tức 24/12/2019 âm) chị Điền trả 10.000.000đ

Tổng số tiền chị Điền và anh Thiện trả cho chị Vinh là 85.000.000đ. Chị Vinh đồng ý trừ vào số tiền gốc 240.000.000đ còn nợ lại 155.000.000đ tiền gốc. Nhưng tiền lãi thì phải trả cho chị Vinh vì bản thân chị Vinh cũng phải đi vay và trả lãi cho số tiền chị Điền vay không trả đúng hạn. Tuy thỏa thuận miệng lãi 2%/tháng nhưng nay chị Vinh yêu cầu tính mức lãi theo quy định 1,66%/tháng cụ thể tính lãi của số tiền gốc từng thời điểm là:

Lãi của 240.000.000đ tính từ ngày 23/9/2014 đến 08/12/2016 là 26 tháng 15 ngày là:

$$(240.000.000đ \times 1,66\%) \times 26,5 \text{ tháng} = 97.608.000đ$$

Từ 08/12/2016 đến 07/01/2017 là 01 tháng lãi là 230.000.000đ $\times 1,66\%$ = 3.818.000đ

Từ 07/01/2017 đến 01/07/2017 là 05 tháng 23 ngày lãi là:

$$220.000.000đ \times 1,66\% \times 5 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 21.043.000đ$$

Lãi từ 01/7/2017 đến 10/11/2017 là 04 tháng 09 ngày là;

$$215.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 15.346.000đ$$

Lãi từ 10/11/2017 đến 13/02/2018 là 03 tháng 03 ngày lãi là;

$$205.000.000đ \times 1,66\% \times 03 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 10.549.000đ$$

Lãi của 195.000.000đ từ ngày 13/02/2018 đến 26/9/2018 là

$$195.000.000đ \times 1,66\% \times 07 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 24.061.700đ$$

Lãi của 185.000.000đ từ ngày 26/9/2018 đến 03/02/2019 là 04 tháng 07 ngày;

$$185.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 13.000.000đ$$

Lãi của 180.000.000đ từ ngày 03/2/2019 đến 18/03/2019 là 01 tháng 15 ngày là

$$180.000.000đ \times 1,66\% \times 1,5 \text{ tháng} = 4.482.000đ$$

Lãi của 175.000.000đ từ ngày 19/3/2019 đến 13/8/2019 là 4 tháng 25 ngày lãi là;

$$175.000.000đ \times 1,66\% \times 4 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 5.325.000đ$$

Lãi của 165.000.000đ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 18/01/2020 là 05 tháng 04 ngày là

$$165.000.000đ \times 1,66\% \times 05 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 14.060.000đ$$

Lãi của 155.000.000đ từ ngày 18/01/2020 đến ngày xét 10/6/2020 là 04 tháng 22 ngày là:

$155.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 12.178.000đ$

Như vậy tổng số tiền lãi chưa trả cho chị V là 221.468.700đ và gốc là 155.000.000đ = 376.468.700đ yêu cầu chị Đ và anh Tùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Vinh.

Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lý giải do chị Đ viết sai ngày chốt nợ nên chị V đã dùng mực xanh nước viết đè lên mực bút đen chị Đ viết (ngày vay và ngày đến hạn trả nợ). Và chị V có viết thêm bằng mực nước màu xanh “*lãi tính đến 30/8/2015 còn chưa tính toán hẹn thanh toán khi trả gốc*” theo chị V chị viết để hai bên cùng nhớ khi trả gốc có căn cứ tính lãi. Theo chị V khi chốt nợ bằng hợp đồng cầm đồ thì hai bên thỏa thuận thời hạn vay 01 năm tính từ ngày làm hợp đồng cầm đồ và thỏa thuận lãi 2% một tháng của số tiền gốc 240.000.000đ .

Vì chị Đ vay tiền của chị V không trả đúng hạn dẫn đến chị V phải bán cả đất để trả cho khoản nợ chị V vay cho chị Đ. Nay chị Vinh yêu cầu chị Đ trả toàn bộ số tiền gốc còn lại là 155.000.000đ và lãi tính theo từng thời điểm trả gốc với mức lãi 1,66%/tháng.

Bị đơn: Chị Cao Thị Đ công nhận có chốt nợ với chị V số tiền nợ 240.000.000đ. Lúc đó chị V còn làm hiệu cầm đồ nên hai bên thỏa thuận vay tiền bằng mẫu của Hợp đồng cầm đồ. Chị Đ là người ký giấy (Hợp đồng Cầm đồ). Sau đó do làm ăn thua lỗ nên chị Đ đã trả dần cho chị V được tổng số 85.000.000đ. Nay chị Hiền đề nghị chị V trừ vào số tiền gốc 240.000.000đ. Tiền lãi chị Đ xin nếu chị V không cho thì chị Đ chỉ chấp nhận trả lãi từ ngày đến hạn trả nợ là 03/01/2016 với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa: Chị Đ trình bày: Ngày (24/11/2014 âm lịch) tức là ngày 14/01/2015 hai bên chốt nợ, chị Đ có gửi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mang tên Cao Văn N) cho chị V làm tin vì lúc đó chị V đang làm cầm đồ nên hai bên thỏa thuận . Số tiền chị Đ nợ là 240.000.000đ, thỏa thuận thời hạn nợ từ ngày (24/11/2014 âm lịch) tức là ngày 14/01/2015 dương lịch đến ngày 24/11/2015 âm lịch (tức ngày 03/01/2016 dương lịch).

Nội dung Hợp đồng cầm đồ. Phần chữ đánh máy là chị V in sẵn còn chị Đ tự tay viết nội dung vay tiền bằng mực bút bi đen với nội dung “*Cao Thị Đ , chồng là Hà Hồng T vay số tiền 240.000.000đ. Lãi suất và phí cầm đồ theo thỏa thuận hai bên cam kết. Thời hạn vay từ 14 tháng 11 năm 2014 đến 15 giờ ngày 24/11/2015 âm lịch*”.

Theo hợp đồng này thì chị Đ thỏa thuận với chị V vay 01 năm từ 14/01/2015 đến ngày 03/01/2016. Nay chị Đ chỉ chấp nhận trả lãi từ ngày 03/01/2016 đến nay với mức lãi 1,66% một tháng trên số nợ gốc từng thời điểm.

Nhưng sau đó chị V đã dùng mực bút nước màu xanh sửa ngày vay là 30/8/2014 đến ngày 20/02/2015 (đều ngày âm lịch) tức ngày dương là 14/01/2015 vay đến ngày 08/04/2015. Và trong hợp đồng Cầm cố không ghi lãi nên chị Đ không trả lãi trong thời hạn vay này. Anh T chồng chị Đ trực tiếp trả 06 lần là 50.000.000đ còn chị Đ trả trực tiếp trả cụ thể như sau;

Ngày 26/9/2018 chị Điền trả 10.000.000đ

Ngày 03/02/2019 chị Điền trả 5.000.000đ

Ngày 14/8/2019 chị Điền trả 10.000.000đ

Ngày 18/01/2020 chị Điền trả 10.000.000đ.

Tổng số tiền chị Đ 04 lần trả trực tiếp cho nhà chị V là 35.000.000đ. Mỗi lần chị Đ và anh T trả tiền cho nhà chị V đều yêu cầu viết vào sổ của chị Đ anh thiện.

Tại phiên tòa anh Hà Hồng T n trình bày: Khi chị Đ vay tiền với chị V thì anh T không trực tiếp cầm tiền. Đến khi chị Đ chốt nợ với chị Vinh anh T có trực tiếp trả tiền cho gia đình chị V cụ thể là:

Ngày 08/12/2016 anh Thiện trả 10.000.000đ

Ngày 07/01/2017 anh Thiện trả 10.000.000đ

Ngày 01/07/2017 anh Thiện trả 5.000.000đ

Ngày 10/11/2017 anh Thiện trả 10.000.000đ

Ngày 13/02/2018 anh Thiện trả 10.000.000đ

Ngày 18/03/2019 anh Thiện trả 5.000.000đ

Sáu lần anh T trực tiếp trả là 50.000.000đ.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện thỏa thuận trừ số tiền 85.000.000đ đã trả vào gốc. đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận mức lãi 1,66%/tháng tính từ ngày đến hạn phải trả nợ 03/01/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 10/6/2020 theo từng thời điểm giảm trừ gốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – Cao Thị Đ đề nghị HĐXX cho bị đơn được chốt khoản nợ gốc và lãi đến ngày xét xử để bị đơn có kế hoạch trả dần trong khoảng thời gian từ 12 đến 18 tháng là có tính khả thi vừa đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn vừa tạo điều kiện cho bị đơn có điều kiện trả nợ và ổn định cuộc sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp Hồng đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: Đây là trường hợp tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3.] *Về nội dung vụ án*:

Xét hình thức: Các đương sự công nhận có tự nguyện thỏa thuận lập biên bản bằng mẫu Hợp đồng cầm cố nhưng nội dung thể hiện hợp đồng vay tài sản.

Nội dung hợp đồng: Số tiền hai bên chốt nợ với nhau là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Có thể hiện thời hạn vay là 01 năm từ ngày 24/11/2014 đến 24/11/2015 âm lịch.

Không ghi cụ thể mức lãi suất.

HĐXX xét thấy loại hình Hợp đồng vay tài sản không bắt buộc thể hiện bằng văn bản (có thể thỏa thuận bằng miệng). Vì vậy tuy hình thức là mẫu của hợp đồng cầm cố nhưng chứa đựng nội dung hợp đồng vay tiền nên HĐXX công nhận đây là hợp đồng vay tài sản (vay tiền) có thời hạn, không có căn cứ xác định mức lãi vì không thể hiện bằng văn bản nội dung lãi trong trong hạn.

Đây là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không xác định lãi suất trong hạn. Thời điểm xác lập hợp đồng là 24/11/2015, các nội dung của Hợp đồng vay tài sản các đương sự công nhận và thỏa thuận với nhau không trái với quy định của BLDS năm 2015 nên áp dụng BLDS năm 2015 để giải quyết.

Các bên đương sự đều thống nhất Hợp đồng cầm cố nội dung: Chị Cao Thị Đ vay của chị Lê Thị V 240.000.000đ thỏa thuận thời hạn 01 năm. Các đương sự công nhận thời gian, số tiền mỗi lần trả nợ. Tổng 10 lần cả anh T và chị Đ trả là 85.000.000đ. Các đương sự tự nguyện thỏa thuận trừ vào gốc $240.000.000đ - 85.000.000đ = 155.000.000đ$ tiền gốc.

Phần lãi các đương sự thống nhất, lãi tính theo số tiền gốc tại các thời điểm giảm trừ tiền gốc. Bị đơn công nhận có trách nhiệm trả lãi trên số gốc từ ngày đến hạn trả nợ 03/01/2016, mức lãi 1,66%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Phần không thống nhất gồm: Ngày làm Hợp đồng theo bị đơn là 24/11/2014 âm lịch (tức là 14/01/2015 dương lịch) hẹn trả 24/11/2015 âm lịch tức là ngày 03/01/2016 dương lịch, đây là chữ viết của bị đơn khi làm hợp đồng.

Do ngày vay và ngày trả có sự sửa chữa, nguyên đơn công nhận nguyên đơn đã sửa.

Vì vậy HĐXX xác định ngày hai bên làm Hợp đồng cầm cố là ngày 24/11/2014 âm lịch tức là ngày 14/01/2015 dương lịch (được viết bằng mực bút bi đen do chữ viết của chị Cao Thị Đ) được xem là ngày xác lập hợp đồng vay. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 24/11/2015 âm lịch tức là ngày 03/01/2016 dương lịch (chữ viết của chị Cao Thị Đ bằng mực bút bi đen).

Tranh chấp lãi trong thời hạn vay: Trong hợp đồng vay được xác lập thông qua Hợp đồng cầm cố thì chị Đ không ghi lãi suất và chị Đ cho rằng vay không lãi. Nhưng chị V tự ghi: lãi suất tính khi trả gốc, chị V thì khẳng định vay có lãi thỏa thuận miệng lãi 2% một tháng nên chị V ghi vào hợp đồng để khi thanh toán gốc hai bên cộng lãi sau. Không có căn cứ xác định lãi trong hạn.

Phần lãi chậm trả các bên thống nhất thỏa thuận trả lãi từ ngày 03/01/2016 (ngày đến hạn hợp đồng) với mức lãi 1,66%/tháng đến ngày xét xử 10/06/2020 là phù hợp quy định tại Điều 468 BLDS nên được HĐXX công nhận.

Phần lãi suất từ ngày 03/01/2016 đến ngày xét xử 10/06/2020 các đương sự đã tự nguyện thống nhất nên HĐXX ghi nhận phần các đương sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Lãi của 240.000.000đ từ ngày 03/01/2016 đến ngày 07/12/2016 là

$240.000.000đ \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 44.355.200đ$

Từ 08/12/2016 đến 07/01/2017 là 01 tháng lãi là $230.000.000đ \times 1,66\% = 3.818.000đ$

Từ 07/01/2017 đến 01/07/2017 là 05 tháng 23 ngày lãi là:

$220.000.000đ \times 1,66\% \times 5 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 21.043.000đ$

Lãi từ 01/7/2017 đến 10/11/2017 là 04 tháng 09 ngày là;

$215.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 15.346.000đ$

Lãi từ 10/11/2017 đến 13/02/2018 là 03 tháng 03 ngày lãi là;

$205.000.000đ \times 1,66\% \times 03 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 10.549.000đ$

Lãi của 195.000.000đ từ ngày 13/02/2018 đến 26/9/2018 là

$195.000.000đ \times 1,6\% \times 07 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 24.061.700đ$

Lãi của 185.000.000đ từ ngày 26/9/2018 đến 03/02/2019 là 04 tháng 07 ngày;

$185.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 13.000.000đ$

Lãi của 180.000.000đ từ ngày 03/2/2019 đến 18/03/2019 là 01 tháng 15 ngày là

$180.000.000đ \times 1,66\% \times 1,5 \text{ tháng} = 4.482.000đ$

Lãi của 175.000.000đ từ ngày 19/3/2019 đến 13/8/2019 là 4 tháng 25 ngày lãi là;

$175.000.000đ \times 4 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 5.325.000đ$

Lãi của 165.000.000đ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 18/01/2020 là 05 tháng 04 ngày là

$165.000.000đ \times 1,66\% \times 05 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 14.060.000đ$

Lãi của 155.000.000đ từ ngày 18/01/2020 đến ngày xét 10/6/2020 là 04 tháng 22 ngày là:

$155.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 12.178.000đ.$

Tổng tiền lãi là 168.207.900đ và gốc 155.000.000đ là 323.217.900đ

Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải trả nợ.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS đối với nghĩa vụ của bên vay là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của trợ giúp pháp lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 463; Khoản 1, khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị V .

Chị Cao Thị Đ và anh Hà Hồng T liên đới có trách nhiệm trả cho chị V 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi cụ thể là;

Lãi của 240.000.000đ từ ngày 03/01/2016 đến ngày 07/12/2016 là

$240.000.000đ \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 44.355.200đ$

Từ 08/12/2016 đến 07/01/2017 là 01 tháng lãi là 230.000.000đ $\times 1,66\% = 3.818.000đ$

Từ 07/01/2017 đến 01/07/2017 là 05 tháng 23 ngày lãi là:

$220.000.000đ \times 1,66\% \times 5 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 21.043.000đ$

Lãi từ 01/7/2017 đến 10/11/2017 là 04 tháng 09 ngày là;

$215.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 15.346.000đ$

Lãi từ 10/11/2017 đến 13/02/2018 là 03 tháng 03 ngày lãi là;

$205.000.000đ \times 1,66\% \times 03 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 10.549.000đ$

Lãi của 195.000.000đ từ ngày 13/02/2018 đến 26/9/2018 là

$195.000.000đ \times 1,6\% \times 07 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 24.061.700đ$

Lãi của 185.000.000đ từ ngày 26/9/2018 đến 03/02/2019 là 04 tháng 07 ngày;

$185.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 13.000.000đ$

Lãi của 180.000.000đ từ ngày 03/2/2019 đến 18/03/2019 là 01 tháng 15 ngày là

$180.000.000đ \times 1,66\% \times 1,5 \text{ tháng} = 4.482.000đ$

Lãi của 175.000.000đ từ ngày 19/3/2019 đến 13/8/2019 là 4 tháng 25 ngày lãi là;

$175.000.000đ \times 4 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 5.325.000đ$

Lãi của 165.000.000đ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 18/01/2020 là 05 tháng 04 ngày là

$165.000.000đ \times 1,66\% \times 05 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 14.060.000đ$
Lãi của 155.000.000đ từ ngày 18/01/2020 đến ngày xét 10/6/2020 là 04 tháng 22 ngày là:

$155.000.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 12.178.000đ$

Tiền lãi là 168.217.900đ (Một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm mười bảy nghìn chín trăm đồng).

Tổng tiền gốc và lãi anh Thiện và chị Điền liên đới có trách nhiệm phải trả cho chị Vinh là 323.217.900đ (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn chín trăm đồng).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chị Cao Thị Đ và anh Hà Hồng T liên đới chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 323.217.900đ là 16.160.895đ làm tròn ó là 16.160.000đ (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị V là 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007319 ngày 20 tháng 04 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

5. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Chi cục THSDS huyện BT

.....

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Hà Văn Bình

Trần Thị Quyên

